

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN EA SÚP
TỈNH ĐẮK LẮK**

Bản án số: 08/ 2020/HNGĐ-ST.

Ngày: 19/8/2020.

V/v: “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình*”.

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN EA SÚP, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Thành Huế.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Hồng.

2. Ông Bành Trọng Bình.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Hương – Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea Súp tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Đình Phong – Kiểm sát viên.

Trong ngày 14 tháng 7 năm 2020 và ngày 19 tháng 8 năm 2020, tại Hội trường Tòa án nhân dân huyện Ea Súp mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 12/2019/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 12 năm 2019 về việc “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2020/QĐXX-ST ngày 04 tháng 6 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 13/2020 ngày 26/6/2020 và Quyết định ngừng phiên tòa số 02/2020/ QĐST-HNGĐ ngày 14/7/2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Đàm Thị T, sinh năm 1976.

Địa chỉ: Thôn B, xã C, huyện E, tỉnh Đắk Lắk. (Có mặt)

2. Bị đơn: Ông Đàm Văn H, sinh năm 1976.

Địa chỉ: Thôn B, xã C, huyện E, tỉnh Đắk Lắk. (Có mặt tại phiên tòa ngày 14/7/2020; Vắng mặt tại phiên tòa ngày 19/8/2020)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện; Bản tự khai và biên bản lấy lời khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa nguyên đơn bà Đàm Thị T trình bày:

Bà T và ông Đàm Văn H chung sống với nhau từ năm 1998 nhưng đến ngày 27/02/2004 mới đăng ký kết hôn với nhau tại Ủy ban nhân dân xã X, huyện Q, tỉnh Cao Bằng. Hôn nhân dựa trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện không có ai ép buộc. Thời gian đầu vợ chồng chung sống với nhau rất hạnh phúc và đã có 03 con chung là cháu Đàm Tuấn V – sinh ngày 18/01/1998, cháu Đàm Thu Tr – sinh ngày 24/7/2003 và cháu Đàm D – sinh ngày 25/10/2007. Nhưng thời gian sau vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn và ngày càng trầm trọng. Do vợ chồng tính tình không hợp và bất

đồng quan điểm sống, ông H thường xuyên ham chơi, cờ bạc, rượu chè, không quan tâm chăm lo cho gia đình, vợ con. Ông H còn có quan hệ bất chính với người phụ nữ khác. Đến nay bà T nhận thấy không thể tiếp tục chung sống với ông H được nữa. Nên Bà T làm đơn đề nghị Tòa án nhân dân huyện Ea Súp giải quyết cho bà T được ly hôn với ông Đàm Văn H.

Về con chung: Trong quá trình chung sống có 03 con chung là cháu Đàm Tuấn V, sinh ngày 18/01/1998, cháu Đàm Thu Tr, sinh ngày 24/7/2003 và cháu Đàm D, sinh ngày 25/10/2007. Khi ly hôn bà T xin được trực tiếp nuôi cháu Đàm D cho đến khi cháu D đủ 18 tuổi và yêu cầu ông H trực tiếp nuôi dưỡng cháu Đàm Thu Tr cho đến khi cháu Tr đủ 18 tuổi. Không ai phải cấp dưỡng nuôi con. Còn cháu Đàm Tuấn V đã trưởng thành bình thường tự kiếm sống được nên không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung và công nợ: Bà T tự thỏa thuận phân chia không yêu cầu tòa án giải quyết.

Tại Bản tự khai và biên bản lấy lời khai, biên bản hòa giải; tại phiên tòa ngày 14/7/2020 bị đơn ông Đàm Văn H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông T và bà Đàm Thị T đã tự nguyện chung sống với nhau từ năm 1998 nhưng đến ngày 27/02/2004 mới đăng ký kết hôn với nhau tại Ủy ban nhân dân xã X, huyện Q, tỉnh Cao Bằng. Trong thời gian chung sống vợ chồng chung sống bình thường không có mâu thuẫn gì trầm trọng, vợ chồng có xảy ra một số mâu thuẫn nhỏ trong gia đình nên đôi lúc cũng có cãi vã với nhau, bà T thường xuyên nghi ngờ ông H có quan hệ bất chính với người phụ nữ khác. Nay bà T yêu cầu ly hôn với ông H thì không đồng ý vì ông H cho rằng mâu thuẫn vợ chồng chỉ là mâu thuẫn nhỏ chưa đến mức trầm trọng, ông H vẫn thương vợ con nên ông H mong muốn vợ chồng đoàn tụ để nuôi dạy con cái.

Về con chung: Vợ chồng ông H có 03 con chung là cháu Đàm Tuấn V, sinh ngày 18/01/1998, cháu Đàm Thu Tr, sinh ngày 24/7/2003 và cháu Đàm D, sinh ngày 25/10/2007. Nếu bà T cương quyết ly hôn thì nguyện vọng của ông H xin được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung là cháu Đàm Thu Tr và cháu Đàm D cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Ông H không yêu cầu bà T phải cấp dưỡng nuôi con chung. Cháu Đàm Tuấn V đã trưởng thành, khỏe mạnh bình thường nên không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung và công nợ: Nếu Tòa giải quyết ly hôn thì về tài sản chung và công nợ ông H và bà T tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình thu thập chứng cứ giải quyết vụ kiện, Tòa án huyện Ea Súp đã tiến hành xác minh tình trạng hôn nhân của ông H và bà T khi sinh sống tại thôn B xã C, huyện E, tỉnh Đắk Lắk. Qua xác minh tại địa phương thì được biết ông H và bà T chung sống với nhau hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn từ một đến hai năm nay, nguyên nhân là do tính tình quan điểm sống bất đồng, vợ chồng không tin tưởng lẫn nhau, nên dẫn đến bà T nghi ngờ ông H có quan hệ bất chính với người phụ nữ khác.

Quá trình giải quyết vụ án, các lần hòa giải bản thân bà T nhất quyết xin được ly hôn với ông H, còn ông H cho rằng tình cảm vẫn còn, mâu thuẫn gia đình chỉ là mâu thuẫn nhỏ nên ông H không đồng ý ly hôn. Do các bên đương sự không thỏa thuận được toàn bộ nội dung vụ án vì vậy Tòa án nhân dân huyện Ea Súp đưa vụ án ra xét xử.

Tại phần tranh luận nguyên đơn bà T vẫn giữ nguyên yêu cầu của mình về quan hệ hôn nhân, về con chung và tài sản chung, công nợ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea Súp phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, của đương sự và ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau: Sau khi thụ lý vụ án Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án thực hiện đúng và đầy đủ các thủ tục tố tụng. Ra quyết định xét xử, tổng đạt hợp lệ quyết định xét xử và tại phiên tòa hôm nay Thẩm phán chủ tọa phiên tòa và Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các quy định về trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm, đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự. Đối với các đương sự, nguyên đơn thực hiện đúng theo quy định của, trong quá trình giải quyết vụ án thì bị đơn chấp hành nhưng tại phiên tòa bị đơn ông H không chấp hành quy định của pháp luật.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng công khai trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ kiện, ý kiến của kiểm sát viên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Vụ kiện giữa nguyên đơn bà Đàm Thị T và bị đơn ông Đàm Văn H là vụ kiện tranh chấp ly hôn, nuôi con chung, do đó thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Tại phiên tòa ngày 19/8/2020 bị đơn ông H mặc dù đã được triệu tập tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt đối với bị đơn ông H.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Tòa án nhận thấy bà Đàm Thị T và ông Đàm Văn H chung sống với nhau vào năm 1998 trên cơ sở tình yêu và tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã X, huyện Q, tỉnh Cao Bằng vào ngày 27/02/2004 theo quy định của pháp luật, nên đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ. Quá trình chung sống, do bất đồng về quan điểm sống, lối sống, dẫn đến vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn, vợ chồng không tin tưởng lẫn nhau, bà T luôn nghi ngờ ông H có quan hệ bất chính với người phụ nữ khác nên vợ chồng hay xảy cãi nhau. Bà T cho rằng mâu thuẫn vợ chồng đã quá trầm trọng, vợ chồng không còn tình cảm với nhau và kiên quyết yêu cầu ly hôn với ông H. Điều này chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa bà T và ông H đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Nếu cứ kéo dài hôn nhân của các bên cũng không thể mang lại hạnh

phúc cho nhau. Căn cứ vào Điều 51 và Điều 56 luật Hôn nhân & Gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận cho bà T được ly hôn với ông H là phù hợp.

[4] Về con chung: Bà T và ông H thống nhất vợ chồng có 03 con chung là cháu Đàm Tuấn V, sinh ngày 18/01/1998, cháu Đàm Thu Tr, sinh ngày 24/7/2003 và cháu Đàm D, sinh ngày 25/10/2007. Hiện nay cháu Tr và cháu T chưa đủ tuổi trưởng thành cần có sự chăm sóc nuôi dưỡng của bố mẹ. Bà T có nguyện vọng xin được trực tiếp nuôi cháu Đàm D cho đến khi cháu D đủ 18 tuổi và yêu cầu ông H trực tiếp nuôi dưỡng cháu Đàm Thu Tr cho đến khi cháu Tr đủ 18 tuổi. Còn ông H có nguyện vọng xin được nuôi cả hai cháu Tr và D cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Xét về điều kiện nuôi con thì cả ông T và bà T đều đủ điều kiện để nuôi con và đều có nguyện vọng nuôi con. Để tạo điều kiện cho các con được chăm sóc nuôi dưỡng một cách tốt nhất nên cần giao cháu Tr cho ông H trực tiếp nuôi, còn giao cháu D cho bà T trực tiếp nuôi là phù hợp với điều kiện của ông H và bà T. Về cấp dưỡng nuôi con chung ông H và bà T không yêu cầu nên không đặt ra để xem xét giải quyết. Đối với cháu Đàm Tuấn V đã đủ tuổi trưởng thành, ông H và bà T không yêu cầu nên không đặt ra để xem xét giải quyết.

[5]. Về chia tài sản và nợ: Ông H và bà T xác định tự thỏa thuận, không yêu cầu tòa án giải quyết. Hội đồng xét xử chấp nhận và không đặt ra giải quyết trong vụ án này về phần chia tài sản và phần nợ. Tuy nhiên, nếu sau này giữa có phát sinh tranh chấp về chia tài sản và nợ mà không tự thỏa thuận được thì có quyền khởi kiện bằng một vụ kiện dân sự khác.

[6] Về án phí hôn nhân và gia đình: Ông H không phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Bà T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 4 Điều 147, Điều 203 và điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51; Điều 56; Điều 81; Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân & Gia đình; Khoản 5, khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016.

Tuyên xử:

1. *Về quan hệ hôn nhân:* Xử cho bà Đàm Thị T được ly hôn với ông Đàm Văn H.

2. *Về nuôi con chung:* Giao con chung Đàm Thu Tr, sinh ngày 24/7/2003 cho ông Đàm Văn H được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục đến tuổi trưởng thành (18 tuổi). Giao con chung Đàm D, sinh ngày 25/10/2007 cho bà Đàm Thị T được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục đến tuổi trưởng thành (18 tuổi). Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Ông H và bà T được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được cản trở.

3. *Về tài sản chung, nợ chung*: Các đương sự không yêu cầu nên không xem xét.

4. *Về án phí*: Bà Đàm Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, được khấu trừ số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí bà T đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện E, tỉnh Đắk Lắk theo biên lai thu số 0003118 ngày 03/12/2019.

- Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn luật định 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án theo quy định.

Nơi nhận:

- VKS huyện EaSúp;
- Toà án nhân dân tỉnh Đắk Lắk;
- THADS huyện E;
- UBND xã C;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

(Đã ký)

Trương Thành Huế